

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/LĐ-ST
Ngày 14-5-2026
V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Bùi Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Khắc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Huyền Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2026/TLST- LĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nhạc Thị P**, sinh năm 1989; nơi cư trú: **Khu E, xã C, tỉnh Phú Thọ**; số căn cước công dân: 025189004333; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1965; nơi đăng ký thường trú: **Khu E, H, Phú Thọ**; nơi ở: **K, Hồ N, phường A, thành phố Hải Phòng**; số căn cước công dân: 025165004416; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 26/02/2026); vắng mặt.

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S**; địa chỉ: **Lô J, khu công nghiệp N, phường H, thành phố Hải Phòng**.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nabeta K**; là đại diện theo pháp luật của bị đơn (chức vụ: Tổng Giám đốc **Công ty TNHH S**); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nhạc Thị Hồng H**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **Khu E, xã C, tỉnh Phú Thọ**; số căn cước công dân: 025191003482; vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội **cơ sở A**; địa chỉ: **Số A đường C, phường A, thành phố Hải Phòng**.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội **cơ sở A**: Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1978; số chứng minh thư nhân dân: 030078015448; là đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội **cơ sở A** (Giấy ủy quyền số 116/GUQ-BHXN ngày 08/4/2026); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2026, sửa đổi ngày 18/3/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 3/2011, em gái chị **Nhạc Thị P** là chị **Nhạc Thị Hồng H** đã lấy một bộ hồ sơ xin việc mang tên chị **P** để xin vào làm việc tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S** và đã ký kết hợp đồng lao động mang tên **Nhạc Thị P** với Công ty. Chị **H** đã làm việc tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S** và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm xã hội 3111025134, cho đến tháng 9/2011 thì thôi việc. Từ sau khi thôi việc tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S** đến nay, chị **H** chưa làm việc tại bất kỳ công ty nào và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

Từ tháng 4/2011 đến tháng 9/2011, chị **P** cũng làm việc và được đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm xã hội 2511008063 tại **Công ty T**. Đến nay, chị **P** được cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo chị **P** đã bị trùng đóng bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 9/2011. Lý do là cũng có một hợp đồng lao động mang tên **Nhạc Thị P** đã đóng bảo hiểm xã hội tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S**.

Nay, chị **P** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động do người sử dụng lao động là **Công ty TNHH S** đã ký kết với người lao động là **Nhạc Thị Hồng H** dưới danh nghĩa mang tên chị **Nhạc Thị P** vào năm 2011 vô hiệu. Chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **P** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 28/3/2026, bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S** (sau đây viết là **Công ty S**) trình bày:*

Ngày 28/02/2011, **Công ty S** ký Hợp đồng lao động số 112061/HĐLĐ với người lao động có tên **Nhạc Thị P**. Người lao động **Nhạc Thị P** là nhân viên chính thức của Công ty từ ngày 28/02/2011 đến ngày 03/10/2011.

Công ty S xác nhận: Từ ngày 28/02/2011 đến ngày 03/10/2011, tại Công ty có người lao động mang tên **Nhạc Thị P** đã làm việc tại Công ty.

Công ty không biết hành vi trên của chị **Nhạc Thị P** và chị **Nhạc Thị Hồng H**, cũng không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến nội dung trên trong thời gian người lao động tên **P** (thực tế là chị **H**) làm việc tại Công ty. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Công ty có hồ sơ của chị **Nhạc Thị P** kết xuất trên phần mềm, bản sao lương tháng 3 và tháng 4/2011 có tên chị **Nhạc Thị P**. Do chị **P** đã nghỉ việc 15 năm nên hợp đồng lao động của chị **P** với **Công ty H2** không còn lưu giữ.

*Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nhạc Thị Hồng H** trình bày:*

Do nghỉ học từ lớp 7, không có bằng tốt nghiệp THCS nên chị **H** đã mượn bằng tốt nghiệp THCS, chứng minh thư nhân dân của chị gái là **Nhạc Thị P** để làm hồ sơ xin việc tại **Công ty S**. Tháng 3/2011, chị **H** được Công ty đồng ý ký Hợp đồng lao động số 112061, với công việc công nhân cắt cao su, với danh nghĩa và tên của chị **Nhạc Thị P**. Đến tháng 9/2011, chị **H** xin nghỉ việc và Công ty có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 03/10/2011 với chị **H**. Quá trình làm việc tại Công ty, chị **H** được đóng bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 3111025134 (từ tháng 3/2011 đến tháng 9/2011 với tên **Nhạc Thị P**) tại **Bảo hiểm xã hội huyện A** (nay là Bảo hiểm xã hội **cơ sở A**).

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về Hợp đồng lao động số 112061 giữa chị **H** (mang danh nghĩa chị **P**) và **Công ty TNHH S**, chị **H** không được Công ty giao cho, nên không thể giao nộp cho Tòa án. Chị **H** chỉ biết có ký hợp đồng và số của hợp đồng là 112061 thông qua quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 03/10/2011 mà Công ty giao cho chị **H** khi chị **H** xin nghỉ việc tại Công ty.

*Tại văn bản ngày 08/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Bảo hiểm xã hội cơ sở A** trình bày:*

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, có người lao động tên là **Nhạc Thị P**, sinh ngày 07/03/1989, CMND số 132013484, mã số BHXH 3111025134 tham gia đóng BHXH tại **Công ty TNHH S** từ tháng 03/2011 đến tháng 09/2011; và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 03/2011 đến tháng 09/2011. Thời gian đóng BHXH vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 03/2011 là 07 tháng. Thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 03/2011 là 07 tháng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội **cơ sở A** không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; bị đơn có trụ sở tại phường H, thành phố Hải Phòng; nên căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 28/02/2011 chị Nhạc Thị Hồng H ký kết Hợp đồng lao động số 112061/HĐLD và làm việc tại Công ty TNHH S dưới tên chị Nhạc Thị P. Khi giao kết hợp đồng lao động, chị H đã cung cấp thông tin cá nhân và hồ sơ, giấy tờ của chị P. Do đó, hàng tháng Công ty S đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Nhạc Thị P theo Sổ bảo hiểm xã hội số 3111025134 trong khoảng thời gian từ tháng 03/2011 đến tháng 09/2011. Căn cứ tài liệu bảo hiểm xã hội chị Nhạc Thị P, sinh ngày 07/8/1989, số CMND 132013484, số CCCD 025189004333, hiện có 02 số BHXH (3111025134, 2511008063) có thời gian đóng BHXH trùng nhau.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định trong thời gian từ tháng 03/2011 đến tháng 09/2011 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty S là chị Nhạc Thị Hồng H, không phải chị Nhạc Thị P. Việc chị H sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của chị P để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là hành vi lừa dối khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc chị P yêu cầu tuyên bố hợp

đồng lao động giữa chị **P** (do chị **H**) giao kết với **Công ty S** vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại các điều 122, 127 và 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về hậu quả pháp lý hợp đồng lao động vô hiệu: Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội **cơ sở A** không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **H** không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; các điều 122, 127 và 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nhạc Thị P**:

Tuyên bố hợp đồng lao động số 112061 ngày 28/02/2011 giữa chị **Nhạc Thị P** (do chị **Nhạc Thị Hồng H** ký kết) với **Công ty TNHH S** (theo sổ bảo hiểm xã hội số 3111025134) bị vô hiệu.

Các đương sự có quyền liên hệ với **Bảo hiểm xã hội cơ sở A** để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nhạc Thị P** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số 0002945 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3- Hải Phòng;
- Phòng THA DS khu vực 3- Hải Phòng;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy